

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 28-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Phú Yên

2. Ông Trần Văn Vinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông
Chu Ngọc - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Thị Mai H - sinh ngày 16/01/1964 tại huyện Y, tỉnh Nam Định; Nơi ĐKNKTT: Khu 19, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: Khu 18, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Chủ hộ kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Vũ Đình S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); bị cáo có chồng là Nghiêm Thế H - sinh năm 1962 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, không bị bắt tạm giam bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+Người làm chứng:

1. Bà Đỗ Ngọc T - sinh năm 1989. Kế toán Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1962. Cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Khu 4, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

3. Ông Phan T - sinh năm 1974. Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Khu 10, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

4. Bà Lê Thu T - sinh năm 1988. Cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã T,

huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Khu 16, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

5. Ông Hoàng Đình D- sinh năm 1964. Kế toán Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Khu 12, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1955. Cán bộ tư pháp Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Khu 12, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1985. Cán bộ văn phòng Đảng ủy xã, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Khu 7, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

8. Ông Lê Xuân T - sinh năm 1960. Trưởng phòng chính trị, tư tưởng và công tác học sinh, sinh viên Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L.

Trú tại: Khối 7, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Mai H thành lập Hộ kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 18B8000872; Đăng ký lần đầu ngày 17/04/2015. Địa chỉ: Khu 18, xã P, thị xã P; Vốn kinh doanh: 600.000.000 đồng; Đại diện hộ kinh doanh: Vũ Thị Mai H; Ngành nghề kinh doanh: Photo, văn phòng phẩm, thương mại tổng hợp, hàng tạp hóa, dịch vụ ăn uống, vé máy bay, vận tải hành khách.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng hóa, từ năm 2015 đến năm 2018, Vũ Thị Mai H đã xuất ra tổng cộng 2.085 liên hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ với tổng doanh số 8.113.126.450 đồng cho khoảng 129 đơn vị trong và ngoài địa bàn tỉnh Phú Thọ như: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Phú Thọ, Trường cao đẳng công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ, Trường tiểu học P, Trường mầm non P, UBND xã T, Tổng Công ty giấy Việt Nam và một số cơ quan, công ty tại thành phố Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Vĩnh Phúc...

Quá trình hoạt động kinh doanh lợi dụng vào việc kinh doanh dịch vụ hàng hóa, từ năm 2015 đến năm 2018, Vũ Thị Mai H đã bán 21 liên hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số 155.592.000 đồng cho các cán bộ của UBND xã P, thị xã P; UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ và Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L, thu số tiền bán 21 liên hóa đơn là 7.779.000 đồng bằng thủ đoạn như sau: Khi các cán bộ các đơn vị trên mặc dù không mua và sử dụng hàng hóa, dịch vụ (HHĐV) của hộ kinh doanh Vũ Thị Mai H nhưng có nhu cầu mua hóa đơn bán hàng về làm thủ tục thanh quyết toán nên đã đặt vấn đề mua hóa đơn các loại hàng hóa dịch vụ cần quyết toán với H, H đã viết giá trị các loại hàng hóa dịch vụ vào hóa đơn và xuất bán hóa đơn không cho các cá nhân này. Mỗi hóa đơn xuất bán cho người mua H thu tiền bán hóa đơn bằng tỷ lệ 5% doanh số ghi trên hóa đơn. Việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn giữa các cá nhân với H được thực hiện theo hình thức trả tiền mặt.

Số tiền thu được từ việc bán trái phép hóa đơn một phần Vũ Thị Mai H nộp thuế tại Chi cục Thuế thị xã P theo quy định, số tiền còn lại H thu lời bất chính để sử dụng chi tiêu cá nhân.

Cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi bán trái phép hóa đơn không của Vũ Thị Mai H cho các cá nhân, đơn vị để sử dụng làm chứng từ quyết toán tài chính. Cụ thể như sau:

1. Bán 06 liên hóa đơn không cho cán bộ UBND xã P:

Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 Vũ Thị Mai H đã bán 06 liên hóa đơn bán hàng không cho UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ với tổng doanh số 28.310.000 đồng, cụ thể:

- Bán cho chị Đỗ Ngọc T - Kế toán UBND xã P 04 liên hóa đơn không với tổng doanh số 23.300.000 đồng:

+ Hóa đơn số 0043434 ngày 21/11/2015, tên HHDV là: Vận chuyển hành khách, có doanh số là: 16.000.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0039027 ngày 20/7/2016, tên HHDV là: Vận chuyển hành khách, có doanh số: 1.500.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0091205, ngày 16/02/2017, tên HHDV là: Vận chuyển hành khách, có doanh số là: 3.500.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0072627, ngày 09/12/2017, tên HHDV là: Vận chuyển hành khách, có doanh số là: 2.300.000 đồng.

- Bán cho ông Nguyễn Ngọc T - Cán bộ Văn phòng UBND xã P 02 liên hóa đơn không với tổng doanh số 5.010.000 đồng, cụ thể:

+ Hóa đơn số 0023750, ngày 10/7/2015, tên HHDV là mua dây điện; có doanh số là: 3.510.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0065701 ngày 12/5/2015, tên HHDV là: Mua cốc chén, có doanh số là: 1.500.000 đồng.

Các loại hàng hóa dịch vụ này Vũ Thị Mai H không kinh doanh mà do ông T và chị T mua và sử dụng của các cửa hàng khác nhưng do các cửa hàng này không có hóa đơn nên ông T và chị T đã mua hóa đơn của bà H để làm chứng từ thanh quyết toán với đơn vị.

Mỗi liên hóa đơn khi bán cho chị T và ông T, bà H thu số tiền bán hóa đơn bằng 5% doanh số ghi trên hóa đơn. Tổng cộng Vũ Thị Mai H đã thu số tiền 1.415.500 đồng từ việc bán 06 liên hóa đơn không cho cán bộ UBND xã P, thị xã P.

Số hóa đơn đã mua nêu trên chị Đỗ Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc T sử dụng làm chứng từ quyết toán và được ông Lê Đình L chủ tịch UBND xã P duyệt chi.

2. Bán 14 liên hóa đơn không cho cán bộ UBND, văn phòng Đảng ủy xã T:

Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2018 Vũ Thị Mai H đã bán 14 liên hóa đơn bán hàng không cho UBND, văn phòng Đảng ủy xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ với tổng doanh số 87.282.000 đồng, cụ thể:

- Bán cho ông Phan T - Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự UBND xã T 05 liên hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số 22.970.000 đồng:

+ Hóa đơn số 0066746, ngày 18/4/2015, tên HHDV là: Quần áo cầu thủ, có doanh số là: 1.200.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0066747, ngày 18/4/2018, tên HHDV là: Sửa chữa xe tang, có doanh số là: 5.700.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0023709, ngày 23/6/2015, tên HHDV là: Thiết bị âm thanh, cục đẩy tăng âm, loa bát, rắc cắm, mix không dây, mix có dây, có doanh số là: 12.770.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0085988, ngày 21/9/2015, tên HHDV là: Giắc cắm tăng âm, loa đài, có doanh số là: 300.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0085989, ngày 21/9/2015, tên HHDV là: Khăn trải bàn hội trường, có doanh số là: 3.000.000 đồng.

- Bán cho bà Lê Thu T - Cán bộ văn phòng UBND xã T 02 liên hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số 3.060.000 đồng:

+ Hóa đơn số 0066742, ngày 16/4/2015, tên HHDV là: Giấy gam A4, bút, hộp dấu, cặp tài liệu, có doanh số là: 2.460.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0085966, ngày 10/9/2015, tên HHDV là: Mực máy in, chuột máy tính, có doanh số là: 600.000 đồng.

- Bán cho ông Hoàng Đình D - Kế toán UBND xã T 02 liên hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số 55.043.000 đồng:

+ Hóa đơn số 0021506, ngày 07/5/2015, tên HHDV là: Sửa chữa nhà làm việc ủy ban, có doanh số là: 23.443.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0021507, ngày 7/5/2015, tên HHDV là: Sơn, sửa chữa, quét vôi trụ sở ủy ban, có doanh số là: 31.600.000 đồng.

- Bán cho ông Nguyễn Văn M - Cán bộ tư pháp UBND xã T 04 liên hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số 3.509.000 đồng:

+ Hóa đơn số 0065717, ngày 21/7/2015, tên HHDV là: Nước uống, có doanh số là: 1.200.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0043427, ngày 12/8/2015, tên HHDV là: Bình nước lọc, có doanh số là: 585.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0043432, ngày 21/8/2015, tên HHDV là: Tuýp hội nghị truyền phổ biến pháp luật, có doanh số là: 640.000 đồng.

+ Hóa đơn số 0043428, ngày 23/8/2015, tên HHDV là: Bình nước lọc, có doanh số là: 1.040.000 đồng.

- Bán cho bà Nguyễn Thị T - Cán bộ văn phòng đảng ủy 01 liên hóa đơn số 0023714, ngày 23/6/2015, tên HHDV là: In cấp, phù hiệu đảng bộ xã, có doanh số là: 2.700.000 đồng.

Các loại hàng hóa dịch vụ trong 14 liên hóa đơn này Vũ Thị Mai H không kinh doanh. Các cá nhân có tên trên mua và sử dụng của các cửa hàng khác nhưng do các cửa hàng này không có hóa đơn vì vậy các cá nhân này đã tự mua hóa đơn của bà H để làm chứng từ thanh quyết toán với đơn vị.

Mỗi liên hóa đơn khi mua, cán bộ UBND xã T phải trả cho Vũ Thị Mai H số tiền bằng 5% doanh số ghi trên hóa đơn. Tổng cộng Vũ Thị Mai H đã thu số tiền 4.364.100 đồng từ việc bán 14 tờ hóa đơn không cho các cán bộ UBND và văn phòng Đảng ủy xã T.

Số hóa đơn bán hàng không đã mua của Vũ Thị Mai H các cá nhân trên đã sử dụng làm chứng từ quyết toán và được ông Phan Trọng Đ chủ tịch UBND xã T duyệt chi.

3. Bán 01 liên hóa đơn không cho cán bộ Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L:

Trong năm 2016 Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L có cử đoàn cán bộ, vận động viên tham gia hội khỏe Phù Đổng khu vực I tại tỉnh Phú Thọ do ông Lê Xuân T là trưởng đoàn và chị Vi Thị Lan A là thư ký. Quá trình tham gia các cán bộ và vận động viên của đoàn Sở giáo dục đào tạo tỉnh L có đến nghỉ, ăn uống tại trung tâm tổ chức hội nghị tỉnh Phú Thọ nên có quen biết ông Lê Anh Đ. Để phục vụ cho các vận động viên di chuyển đến các địa điểm thi đấu đoàn đã thuê xe taxi nhưng vì lái xe taxi không có hóa đơn xuất trả nên chị Vi Thị Lan A đã nhờ ông Lê Anh Đ mua 01 liên hóa đơn bán hàng không số 0079620 ngày 28/5/2016 của HKD Vũ Thị Mai H với doanh số là 40.000.000 đồng, tên hàng hóa dịch vụ là: Vận chuyển hành khách, chị Vi Thị Lan A trả cho ông Đ số tiền 6.000.000 đồng tương đương 15% giá trị hóa đơn. Cơ quan điều tra đã triệu tập và làm việc với ông Đ, ông Đ thừa nhận có mối quan hệ quen biết với chị Vi Thị Lan A nhưng không thừa nhận nội dung mua hộ hóa đơn.

Quá trình điều tra H thừa nhận đã bán cho Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L liên hóa đơn trên thông qua một người môi giới nhưng do đã lâu nên H không nhớ người đó là ai, liên hóa đơn trên H đã thu số tiền 2.000.000 đồng tiền bán hóa đơn tương đương với 5% doanh số ghi trên hóa đơn.

Liên hóa đơn mua không của Vũ Thị Mai H, đã được chị Vi Thị Lan A sử dụng làm chứng từ quyết toán và được Sở giáo dục đào tạo L duyệt chi.

Đối với số tiền 7.779.600 đồng, bị cáo thu được thông qua việc bán trái phép 21 liên hóa đơn không, Cơ quan điều tra đã xác minh tại Chi cục thuế thị xã P xác định: 21 liên hóa đơn bán hàng không cho 03 đơn vị trên bị cáo đã nộp thuế tại chi cục thuế thị xã P với số tiền là 7.001.640 đồng, còn lại 777.960 đồng là tiền bị cáo đã thu lời bất chính. Bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thị xã P số tiền 778.000đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị Mai H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, bị cáo đã thực hiện hành vi bán trái phép 21 liên hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số 155.592.000 đồng cho các cán bộ của UBND xã P, thị xã P; UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ và Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L, thu số tiền bán 21 liên hóa đơn là 7.779.000 đồng, bị cáo đã nộp thuế tại Chi cục thuế thị xã P số tiền là 7.001.640 đồng, còn lại thu lời bất chính số tiền 777.960 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 778.000đồng thu lời bất chính. Bị cáo bị tạm giữ 47 quyền hóa đơn gồm: 14 quyền hóa đơn bán hàng năm 2015; 13 quyền hóa đơn bán hàng năm 2016; 14 quyền hóa đơn bán hàng năm 2017; 06 quyền hóa đơn bán hàng năm 2018. Vợ chồng bị cáo có tài sản là nhà và đất có giá trị lớn.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSTXPT ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Vũ Thị Mai H về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không có lời tranh luận và bào chữa nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị Mai H phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 203, điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, khoản 2 điều 36 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Vũ Thị Mai H: 28 hóa đơn liên 2 để lưu hồ sơ vụ án; số tiền 778.000đ (Bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 22/4/2019).

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Mai H 47 quyển hóa đơn gồm: 14 quyển hóa đơn bán hàng năm 2015; 13 quyển hóa đơn bán hàng năm 2016; 14 quyển hóa đơn bán hàng năm 2017; 06 quyển hóa đơn bán hàng năm 2018.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi mà bị cáo đã phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1].*Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].*Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị Mai H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, Vũ Thị Mai H chủ hộ kinh doanh có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã thực hiện hành vi bán trái phép 21 liên hóa đơn bán hàng khống với tổng doanh số 155.592.000 đồng cho các cán bộ của UBND xã P, thị xã P; UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ và Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L, thu số tiền bán 21 liên hóa đơn là 7.779.000 đồng, H đã nộp thuế tại Chi cục thuế thị xã P số tiền là 7.001.640 đồng, còn lại thu lời bất chính số tiền 777.960 đồng. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy

ra vụ án và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trong vụ án này, có hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018, tính đến thời điểm hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện thì Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi 2017 đã có hiệu lực thi hành. So sánh tội “Mua bán trái phép hóa đơn” ở hai Bộ luật hình sự thì Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2018 có lợi hơn. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự quy định Hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian và Nghị quyết số 41/2017 của Quốc hội thi hành vi phạm tội của bị cáo được áp dụng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Vũ Thị Mai H đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Qua đó thấy rằng, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với các cá nhân trực tiếp mua hóa đơn của Vũ Thị Mai H thuộc 03 đơn vị sử dụng hóa đơn nêu trên: Do số lượng hóa đơn các cá nhân này mua chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (số lượng dưới 10 hóa đơn) nên Cơ quan điều tra không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan điều tra kiến nghị các đơn vị nêu trên có hình thức xử lý phù hợp để phòng ngừa chung.

Đối với các cá nhân là thủ trưởng, kế toán trực tiếp thực hiện duyệt chi, quyết toán các khoản chi có sử dụng hóa đơn không thuộc 03 đơn vị nêu trên: Do khi mua hóa đơn của Vũ Thị Mai H các cá nhân trực tiếp mua hóa đơn không báo cáo với người có trách nhiệm duyệt chi quyết toán nên các cá nhân này không biết và đã duyệt chi quyết toán các khoản có sử dụng hóa đơn không. Quá trình điều tra xác định các cơ quan đơn vị trên thực tế đều sử dụng các loại hàng hóa, dịch vụ thể hiện trên các hóa đơn bán hàng không trên và đều được các đơn vị này mua của các cửa hàng cung cấp hàng hóa dịch vụ nhưng do các cửa hàng đó không có hóa đơn bán hàng nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Tại khoản 1 điều 203 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*”

[3].*Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế của nhà nước đối với các loại hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và làm gương cho những ai đã, đang có hành vi tương tự như bị cáo đã phạm. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có hiểu biết xã hội, nhưng không chịu thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý và xuất hóa đơn bán hàng nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi gây ra.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Lần phạm tội này bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: sau khi phạm tội thật thà khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là chưa cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ dưới sự quản lý và giám sát của chính quyền địa phương cùng gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Với mức hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Tại khoản 3 điều 36 Bộ luật hình sự quy định: *“Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước...”*. Song xét thấy, bị cáo thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4].*Về hình phạt bổ sung*: Tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Xét thấy, bị cáo có tài sản là nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng có giá trị lớn nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của bị cáo. Với mức hình phạt bổ sung như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ đề nghị là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5].*Về vật chứng*:

Số tiền 777.960 đồng là số tiền bị cáo thu lời bất chính từ việc bán trái phép 21 tờ hóa đơn liên 2 và bị cáo đã tự nguyện nộp 778.000 đồng nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Còn số 47 quyển hóa đơn gồm: 14 quyển hóa đơn bán hàng năm 2015; 13 quyển hóa đơn bán hàng năm 2016; 14 quyển hóa đơn bán hàng năm 2017; 06 quyển hóa đơn bán hàng năm 2018 không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Ngoài ra, còn 28 liên hóa đơn phục vụ công tác điều tra cần tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án.

[6].*Về án phí*: Bị cáo Vũ Thị Mai H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 điều 203; điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, khoản 2 điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị Mai H. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị Mai H phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”, phạt Vũ Thị Mai H 12 (Mười

hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị Mai H 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước, thời hạn nộp phạt 1 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Vũ Thị Mai H cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, bị cáo phải chấp hành một số nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

-Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng khoản 1 điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 46/2019/LCĐKNCT ngày 23/4/2019 đối với bị cáo Vũ Thị Mai H.

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Vũ Thị Mai H: 28 hóa đơn liên 2 để lưu hồ sơ vụ án; số tiền 778.000đ (Bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 22/4/2019).

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Mai H 47 quyển hóa đơn gồm: 14 quyển hóa đơn bán hàng năm 2015; 13 quyển hóa đơn bán hàng năm 2016; 14 quyển hóa đơn bán hàng năm 2017; 06 quyển hóa đơn bán hàng năm 2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Thị Mai H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- UBND xã Phú Hộ;
- THAHS, THADS;
- Lưu hồ sơ (02 bản);
- Lưu văn phòng

**T.M Hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thu Hiền

